TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 17, 29/04/2025

Biến động và thanh khoản thấp ngày cận lễ

Tiêu điểm:

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE) thông báo chính thức đưa vào vận hành Hệ thống công nghệ thông tin mới kể từ ngày 05/5/2025.
- Ngày 22-4, Tổng thống Trump nói ông không tìm cách "rắn" với Bắc Kinh và mức thuế 145% mà ông đã áp lên hàng hóa Trung Quốc sẽ giảm đáng kể trong tương lai. Ngày 23-4, báo Wall Street Journal (Mỹ) dẫn lời một quan chức cấp cao giấu tên trong Nhà Trắng cho biết mức thuế có thể được giảm từ 50 - 65%.
- Xuất nhập khẩu nửa đầu tháng 4/2025 tăng 16.5% so với cùng kỳ, khu vực FDI vẫn chiếm ưu thế

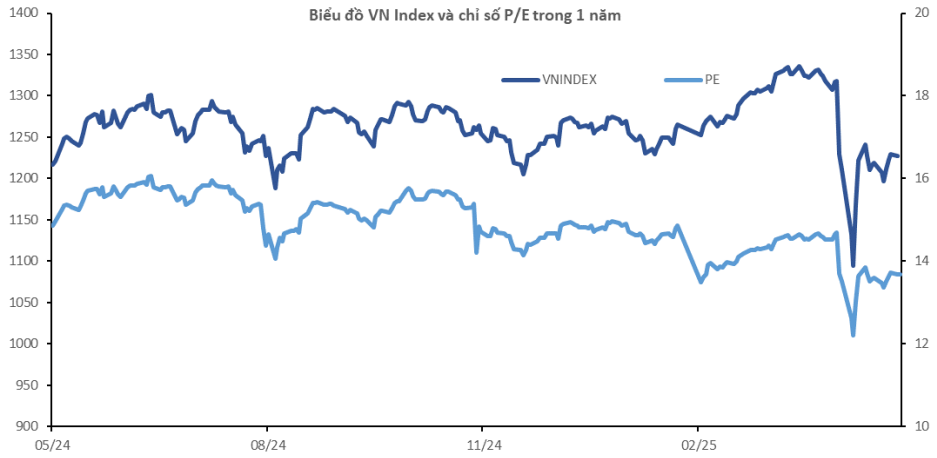
Đánh giá: Thị trường nhìn chung diễn biến ổn định trước kì nghỉ lễ kéo dài sắp tới của Việt Nam. Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm trong báo cáo tuần trước về rủi ro khó lường của kết quả đàm phán thuế quan của Việt Nam. Cập nhật mới về tỷ giá, DXY dù đã hạ nhiệt đáng kể nhưng tỷ giá trong nước vẫn tăng do NHNN đang liên tục bơm ròng OMO để hỗ trợ nền kinh tế, lãi suất cho vay qua đêm liên ngân hàng có xu hướng giảm và thâm thụ hụt thương mại trong nửa đầu tháng tư.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,226.3 (-2.93 điểm; -0.24%) với thanh khoản ở mức thấp. Thị trường gần như không có nhiều biến động trong bối cảnh kì nghỉ lễ cận kề. Xu hướng chung vẫn là đi ngang sau quá trình phục hồi từ đáy.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ưa thích nắm giữ lâu dài có thể xem xét giải ngân với những cổ phiếu có nền tảng tốt, hưởng lợi từ các yếu tố nội tại trong nước như: Thép, ngân hàng, chứng khoán, năng lượng.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,226	-0.2	-6.9	-3.1	-3.2		13.7	1.6	197
Upcom Index	92	0.2	-6.3	-2.0	-2.8		12.6	1.3	53
HNX Index	212	0.1	-11.0	-5.0	-6.8		20.3	1.1	11
VN30 Index	1,310	-0.6	-4.7	-2.1	-2.6		10.7	1.5	137
S&P 500 Index	5,529	0.1	-0.9	-8.5	-6.0		23.7	4.8	48,686
STOXX Europe 600 Index	525	0.8	-3.2	-1.8	3.4		14.5	2.0	15,484
Hang Seng	22,008	0.1	-6.1	8.8	9.7		11.1	1.2	3,288
Nikkei 225	35,840	0.4	0.6	-9.4	-10.2		17.8	1.9	4,742
SHCOMP Index	3,287	-0.3	-1.9	1.1	-1.9			1.3	7,039
STI Index	3,811	-0.3	-4.0	0.3	0.7		12.1	1.2	442
KOSPI Index	2,565	0.8	0.3	1.1	6.9		12.5	0.9	1,415

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Giá trị vốn hóa	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**Current**	**Change**	**P/E**	**P/B**	**Vốn hóa (Tỷ VND)**
Large Cap	2.3	-6.4	-1.6	-1.8	-15.3	-22.3	4.2	18.2	82.4	-0.6	11.8	1.7	4,533,261
Mid Cap	3.7	-10.7	-8.4	-10.1	-11.9	-18.8	-19.1	-11.3	16.6	0.5	14.9	1.3	521,619
Small Cap	1.7	-4.6	-1.4	-3.3	-12.5	-32.7	-34.0	-30.2	1.0	0.0	69.9	0.7	67,679

Theo ngành					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**Current**	**Change**	**P/E**	**P/B**	**Vốn hóa (Tỷ VND)**
Bất động sản	7.4	1.9	23.4	21.0	-4.3	-7.1	22.0	39.7	20.5	2.2	16.5	1.4	848,604
Bán lẻ	6.5	0.7	-1.7	-2.9	10.5	-9.0	16.1	26.6	3.9	0.9	26.1	3.3	126,257
Xây dựng và vật liệu	6.4	-7.1	-4.7	-3.0	-16.2	-13.7	-9.4	-4.0	5.3	-0.1	17.4	1.3	123,885
Truyền thông	6.3	-11.5	-21.6	-9.3	-14.8	24.7	7.6	-10.5	0.2	0.0	17.3	1.4	2,669
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	5.4	0.7	9.1	9.0	-19.7	-4.5	25.9	39.2	7.1	-0.4	14.7	1.9	189,057
Bảo hiểm	5.2	-11.2	-7.1	-8.4	-6.6	-16.5	-20.4	-16.6	0.2	0.0	14.1	1.4	46,856
Hóa chất	4.9	-23.9	-14.6	-19.1	-19.9	-30.9	-27.0	-18.4	2.9	-0.2	16.4	1.6	184,452
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.9	-14.7	-21.2	-23.5	-18.3	-26.4	-10.3	-3.3	1.0	0.0	10.6	1.4	48,427
Dầu khí	4.7	-16.3	-19.2	-5.0	-14.1	-23.9	-25.3	-18.8	0.7	0.0	29.1	1.3	102,564
Thực phẩm và đồ uống	4.1	-4.2	-4.5	-7.7	9.6	-10.5	11.1	23.7	8.0	1.8	17.0	2.3	390,052
Ô tô & Phụ tùng	2.7	-7.4	-1.1	-4.4	-12.4	-10.5	10.6	27.1	0.6	0.0	17.9	1.1	13,958
Tài chính	2.4	-12.4	-2.4	-4.9	-34.8	-35.7	-22.9	-10.0	12.0	-3.7	17.2	1.3	187,740
Tài nguyên cơ bản	2.3	-7.6	-6.0	-8.0	-22.1	-37.5	-26.4	-15.5	4.6	-0.4	14.4	1.3	200,497
Dược và Y tế	1.9	-4.4	-7.5	-8.6	6.5	-26.5	-41.8	-40.9	0.2	0.0	16.8	2.1	36,903
Tiện ích	1.4	-8.3	-6.7	-8.5	-12.3	-34.3	-16.8	-5.0	1.1	0.0	6.9	1.8	267,223
Du lịch và Giải trí	0.7	-0.4	0.4	-3.5	-10.4	-9.4	-5.5	-2.0	0.5	0.0	12.6	9.7	125,348
Ngân hàng	-0.3	-8.1	-4.2	-3.2	-10.9	-24.3	6.1	19.4	27.4	1.2	8.6	1.5	2,039,260
Công nghệ Thông tin	-0.6	-12.2	-28.6	-27.7	-36.6	-44.9	-28.8	-21.6	3.8	-1.3	20.4	4.3	175,420

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,290**	1.8	-78.0	-193.3	-217.9
Nước ngoài	**1,482**	-3.3	-67.8	-152.7	-174.2
VanEck Vectors Vietnam ETF	368	0.0	-29.5	-44.8	-61.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	504	-0.5	-33.4	-99.9	-99.9
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	249	-2.7	-4.9	-8.1	-11.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	157	0.0	0.0	0.0	0.0
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**808**	5.1	-10.1	-40.5	-43.7
DCVFMVN Diamond ETF	542	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	211	5.1	-9.8	-39.1	-44.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	16	-0.1	0.0	-1.9	-2.4
MAFN VN30 ETF	24	0.0	0.3	1.1	3.3
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	-0.7	-0.7	-0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-5,686	-42,550	9,649
Ấn độ	2,124	680	680	-12,857
Indonesia	-11	-1,243	-1,243	-3,073
Nhật Bản*	4,963	24,542	24,542	-12,804
Maylaysia	31	-504	-504	-2,746
Hàn Quốc	-171	-7,434	-7,363	-12,743
Sri Lanka	0	3	3	-33
Đài Loan	211	-332	-332	-18,621
Thái Lan	-32	-550	-550	-1,722
Việt Nam	0	-503	-503	-1,507

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

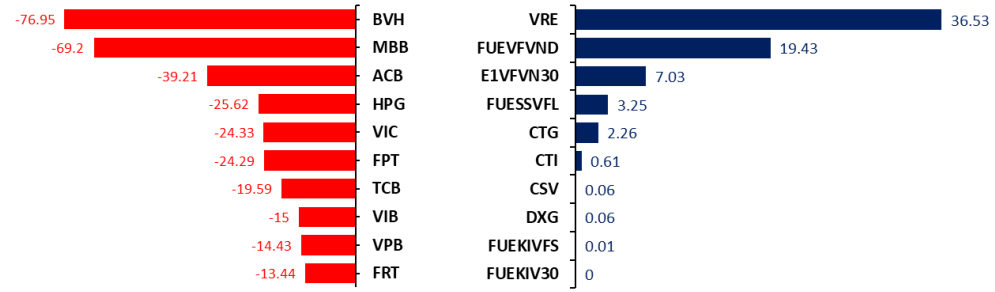
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

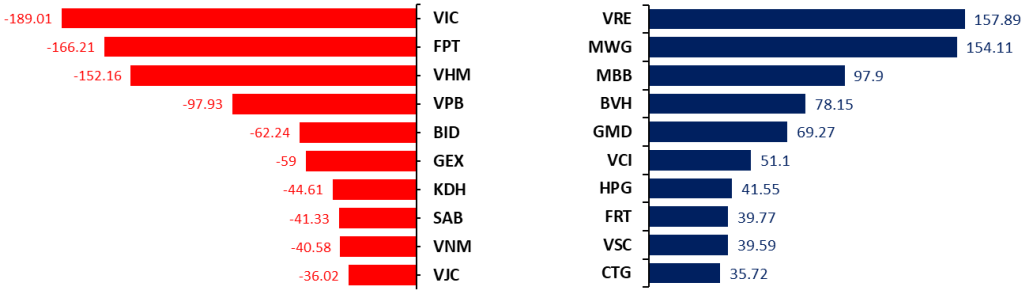
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	1	-65	0	65
Tài nguyên Cơ bản	-26	55	-39	-15
Truyền thông	0	5	-5	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-14	-60	101	-41
Y tế	0	2	-4	1
Hóa chất	0	12	-32	21
Dịch vụ tài chính	26	0	-26	26
Du lịch và Giải trí	-7	-3	13	-10
Ngân hàng	-198	66	6	-72
Xây dựng và Vật liệu	-1	12	-42	30
Thực phẩm và đồ uống	-24	1	-25	23
Bán lẻ	-19	38	47	-85
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1	-14	-3	17
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1	16	-14	-2
Công nghệ Thông tin	-24	-104	155	-51
Ô tô và phụ tùng	-1	-12	10	2
Bảo hiểm	-77	79	-1	-78
Dầu khí	0	-16	6	10
Tổng	-367	12	145	-158

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ABR	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.00 - 17.20	13.9	-14.2%
2	HVH	Xây dựng và Vật liệu	5.14 - 15.80	13.8	-9.8%
3	CCC	#N/A	19.20 - 26.80	21.3	-9.2%
4	TNC	Hóa chất	27.25 - 64.90	28.0	-7.6%
5	SC5	Xây dựng và Vật liệu	15.80 - 24.35	17.1	-6.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.9%	63.0	46.10 - 69.50	Xây dựng và Vật liệu	LGC
22.7%	16.0	9.60 - 18.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TYA
22.4%	22.4	13.95 - 22.56	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VSC
18.0%	4.3	2.00 - 4.33	Bất động sản	TDH
17.0%	22.4	5.75 - 15.50	Dịch vụ tài chính	APG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CX8	Xây dựng và Vật liệu	6.30 - 10.60	7.7	-19.8%
2	PGN	Hóa chất	5.70 - 16.10	5.8	-17.1%
3	TMX	Xây dựng và Vật liệu	7.50 - 11.20	8.8	-17.0%
4	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.60 - 14.00	6.6	-10.8%
5	SVN	Xây dựng và Vật liệu	2.80 - 8.50	6.1	-10.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
40.4%	16.0	10.50 - 22.90	Du lịch và Giải trí	ATS
33.7%	11.5	4.60 - 11.50	Công nghệ Thông tin	SMT
31.3%	42.4	14.50 - 49.30	Hóa chất	NFC
29.7%	31.9	20.20 - 35.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC
29.0%	8.0	5.30 - 8.90	Dịch vụ tài chính	VIG

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PRO	Thực phẩm và đồ uống	3.40 - 9.10	5.0	-31.5%
2	SEA	Thực phẩm và đồ uống	26.10 - 54.50	34.1	-28.2%
3	QNT	Xây dựng và Vật liệu	4.20 - 15.50	9.2	-27.0%
4	YTC	Y tế	20.40 - 65.00	31.4	-26.8%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	12.70 - 25.20	14.0	-26.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
48.1%	11.7	6.60 - 34.10	Tài nguyên Cơ bản	LMC
47.3%	8.1	4.80 - 8.80	Xây dựng và Vật liệu	E12
38.3%	6.5	3.60 - 7.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ITS
27.9%	14.2	9.00 - 15.00	Hóa chất	VNP
26.7%	9.5	6.50 - 9.80	Thực phẩm và đồ uống	SKN

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	144,008.5	111.8	22.4	3.65 - 5.73	7.3
2	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	947.8	109.9	25.0	23.05 - 28.80	2.0
3	DCL	Dược phẩm Cửu Long	Y tế	20,300.5	100.1	23.8	19.00 - 32.00	16.4
4	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17,641.5	78.3	48.9	37.02 - 49.00	8.7
5	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	2,349.9	77.7	57.7	46.00 - 68.00	5.5
6	NCT	Chứng khoán DNSE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,206.1	53.0	102.0	87.80 - 122.00	-1.0
7	APG	Chứng khoán APG	Dịch vụ tài chính	16,286.3	50.8	12.4	5.75 - 15.50	17.0
8	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	193,923.6	37.7	13.2	10.50 - 18.10	13.9
9	CTF	City Auto	Ô tô và phụ tùng	8,508.8	34.8	21.9	17.50 - 34.16	4.3
10	SSB	SeABank	Ngân hàng	54,444.9	27.3	18.4	15.05 - 21.13	-4.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

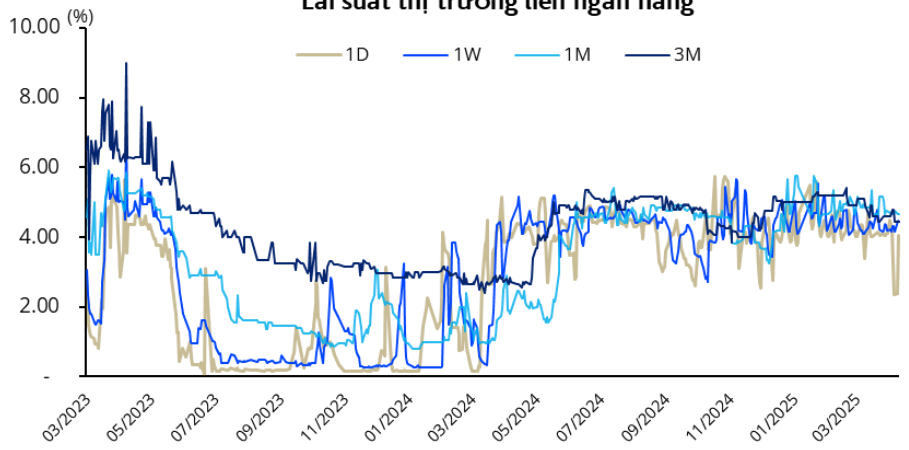
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.19	0.3	-4.7	-8.2	-8.6	
VND/USD	25,993	0.1	1.6	3.6	2.0	
KRW/USD	1,433.75	0.6	-2.7	0.2	-2.6	
JPY/USD	142.54	0.7	-4.9	-8.2	-9.3	
EUR/USD	0.88	0.3	-5.0	-8.5	-9.1	
SGD/USD	1.31	-0.2	-2.6	-3.1	-4.2	
CNY/USD	7.27	-0.5	0.2	0.4	-0.4	

Hàng hóa

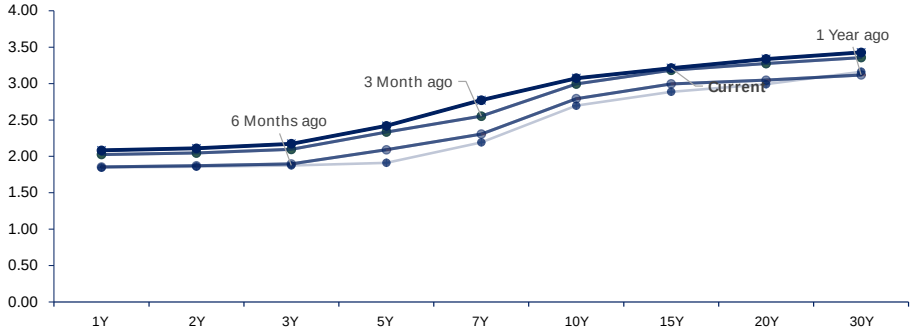
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	61.14	-4.9	-11.9	-15.8	-14.8	
Xăng	209.86	0.0	-6.1	3.1	4.9	
Gas	3.33	10.8	-18.0	-5.7	-8.3	
Than	95.60	0.6	-1.0	-16.9	-23.7	
Vàng	3,314.32	-2.0	6.1	20.1	26.3	
Bạc	33.25	2.3	-2.5	7.8	15.0	
Platinum	990.89	3.2	-0.7	4.3	9.2	
Quặng sắt	99.91	0.0	-2.5	-1.4	-3.6	
Thép cán	3,310.00	0.6	-2.2	-4.1	-4.6	
Lúa mì	516.25	-3.6	-2.3	-8.2	-6.4	
Ngô	473.00	-0.6	4.4	-4.8	3.2	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.08	2.11	2.17	2.42	2.77	3.07	3.21	3.18	2.89
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	1.30	1.90	4.10	3.40	1.50	0.50	0.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Danh sách cổ phiếu theo dõi

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.